

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2024
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuyết

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Hồng Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Quốc T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nông Quốc T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T2 về chung sống với nhau từ tháng 10/1990, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trước khi về chung sống với nhau, anh và chị T2 được tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm, được sự đồng ý của 02 gia đình, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau lễ cưới, hai anh chị về chung sống với nhau ở xóm B, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống có lúc hạnh phúc, tuy nhiên cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh và chị T2 bất đồng quan điểm, tranh cãi lẫn nhau, anh đã nhiều lần trao đổi với chị T2, nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh và chị T2 đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Anh không còn yêu thương chị Nguyễn Thị T2 nữa, xin được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T2 có 02 con chung là Nông Văn T3, sinh năm 1991 và Nông Thị T4, sinh năm 2000. Con chung của anh và chị T2 đã đủ tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T2 tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị T2 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 được tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 01 năm, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương về chung sống với nhau từ cuối năm 1990. Tuy nhiên, chị và anh T1 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh T1 chung sống hạnh phúc với nhau trong thời gian ngắn thì mâu thuẫn nảy sinh do anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác, anh chị xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến chị và anh T1 không thể chung sống và đã sống ly thân khoảng 20 năm nay. Nay anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T1 được ly hôn với chị, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nông Văn T3, sinh năm 1991 và Nông Thị T4, sinh năm 2000. Con chung của chị và anh T1 đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh T1 và chị T2g đoàn tụ, cùng nhau chung sống. Nhưng tại phiên họp anh T1 và chị T2 không thể hòa giải được, anh T1 cương quyết xin ly hôn nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa cả anh T1 và chị T2 đều khai nhận. Trong thời gia chung sống với nhau có được chính quyền địa phương thông báo và vận động đi đăng ký kết hôn. Do không hiểu biết pháp luật, anh và chị đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2. Về con chung: Con chung của anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 đã đủ tuổi trưởng thành. Không đề nghị xem xét giải quyết. Đối với tài sản chung: Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nông Quốc T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau năm 1990. Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, từ khoảng năm 2002 giữa anh T1 và chị T2 nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T1, chị T2 đã nhiều lần xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến anh T1 và chị T2 đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T1 và chị T2 không còn quan tâm và yêu thương lẫn nhau nữa. Tại phiên tòa, anh T1 cương quyết xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị T2 khẳng định, giữa chị và anh T1 có nhiều mâu thuẫn, chị và anh T1 đã nhiều năm không còn chung sống với nhau, nay anh T1 xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được thực hiện như sau:

“.....

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;”

Sau khi anh, chị về chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 2002 và từ khi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực (01/01/2015) đến thời điểm anh T1 khởi kiện xin ly hôn với chị T2 đến nay anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Điều 9: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

.....”

Điều 14: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

.....”

Với những nhận định như trên, việc anh T1, chị T2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và có con chung, đến năm 2002 thì sống ly thân từ đó cho đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tuyên bố anh T1 và chị T2 không phải là vợ chồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 có 02 con chung là Nông Văn T3, sinh năm 1991 và Nông Thị T4, sinh năm 2000. Con chung của anh T1 và chị T2 đã đủ tuổi trưởng thành. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nông Quốc T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, 52, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Quốc T1.

1. Về hôn nhân:

Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 có 02 con chung là Nông Văn T3, sinh năm 1991 và Nông Thị T4, sinh năm 2000. Con chung của anh T1 và chị T2 đã đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Nông Quốc T1 và chị Nguyễn Thị T2 không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nông Quốc T1 chịu nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương theo biên lai thu số 0004425 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Giang

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Đức Long

